

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 7777 9999 Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin đính chính, bổ sung giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2024:

Lý do đính chính: Do sai sót trong quá trình lập Báo cáo, không thể hiện giao dịch với các bên liên quan trong báo cáo tài chính.

Nội dung đã công bố thông tin: Báo cáo tài chính Riêng quý 4 năm 2024 không thể hiện giao dịch với các bên liên quan

Nội dung đính chính, bổ sung:

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

4. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty và các Công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần HB Pharma ("HB Pharma")	Công ty con
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC ("Louis AMC")	Công ty con
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư ("CIC")	Công ty liên kết
Công ty TNHH Angimex Furious ("Angimex Furious")	Công ty con
Công ty cổ phần Golden Paddy	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên thu mua phụ phẩm PBP	Công ty con

4.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:



Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
HB Pharma	Công ty con	Lãi cho vay	299.178.081	379.726.025
		Cho vay phải thu từ HB Pharma	-	5.000.000.000
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	5.000.000.000	-
		Chi hộ	8.720.783	-
Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	443.370.804	2.122.872.614
		Cho vay phải thu từ Louis AMC	-	200.000.000
		Thu gốc cho vay từ Louis AMC	5.000.000.000	16.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	33.695.897
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	49.052.051	6.180.822
		Cho vay phải thu từ CIC	600.000.000	600.000.000
		Thu gốc cho vay từ CIC	600.000.000	-
		Phí thuê văn phòng CIC	29.072.727	29.072.727
		Cung cấp dịch vụ tư vấn	-	50.000.000
Angimex Furious	Công ty con	Góp vốn	4.600.200.000	
		Hoàn tiền góp vốn	4.600.200.000	

4.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V5.a)				
HB Pharma	Công ty con	Lãi cho vay	550.684.929	251.506.848
Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	4.084.242.251	3.671.200.447
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	8.284.931	6.180.822
Cộng			4.643.212.111	3.928.888.117
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số V.4)				
Phải thu khách hàng				
HB Pharma	Công ty con	Phải thu khách hàng	2.501.280	-
Cộng			2.501.280	-

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11 tháng 06 năm 2025, tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
Website: <https://thegoldengroup.vn/> | Email: info@thegoldengroup.vn

Tài liệu đính kèm:

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *cyf*

Võ Kim Nguyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Của

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo tài chính riêng	1-15
Bảng Cân đối kế toán	1-2
Báo cáo Kết quả kinh doanh	3
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	4
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	5-15



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2024	01-01-2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.701.470.437	26.457.158.146
I. Tiền	110	V.1	2.948.620.873	938.584.633
Tiền	111		748.620.873	938.584.633
Các khoản tương đương tiền	112		2.200.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.393.299.428	22.120.095.867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7.659.525.833	105.773.913
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.638.333.001	1.132.953.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.553.865.921	13.553.865.921
Các khoản phải thu khác	136	V.5a	49.650.959.361	48.936.888.117
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6a	(51.109.384.688)	(41.609.385.085)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.359.550.136	3.398.477.646
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.291.674	37.837.120
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8b	477.274.068	480.656.132
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.8b	2.879.984.394	2.879.984.394
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.710.116.587	129.147.332.395
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	6.600.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	(6.600.000.000)
II. Tài sản cố định	220		32.666.674	42.666.670
Tài sản cố định hữu hình	221		32.666.674	42.666.670
- Nguyên giá	222		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.333.326)	(7.333.330)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		112.075.718.324	117.156.613.788
Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	162.700.000.000	197.100.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	23.332.000.000	20.654.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2a	(73.956.281.676)	(100.597.386.212)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		11.601.731.589	11.948.051.937
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	11.601.731.589	11.948.051.937
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.411.587.024	155.604.490.541

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2024	01-01-2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.574.609.543	6.706.915.173
I. Nợ ngắn hạn	310		3.539.809.543	3.622.115.173
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.425.760	1.627.562
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.615.385	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	32.383.104	24.819.020
Phải trả người lao động	314		-	124.803.845
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1.479.452
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.9a	2.138.338.566	2.138.338.566
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.331.046.728	1.331.046.728
II. Nợ dài hạn	330		34.800.000	3.084.800.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.9b	34.800.000	3.084.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.836.977.481	148.897.575.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	137.836.977.481	148.897.575.368
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(138.052.015.974)	(126.991.418.087)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(126.991.418.087)	(119.272.016.881)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.060.597.887)	(7.719.401.206)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.411.587.024	155.604.490.541

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025

Tổng Giám đốc




Lý Thanh Nhã

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG


Năm 2024					Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01		23.076.923	-	23.076.923	99.752.233
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.076.923	-	23.076.923	99.752.233
Giá vốn hàng bán	11		-	(2.879.159)	-	152.122.587
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.076.923	2.879.159	23.076.923	(52.370.354)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	138.543.863	800.234.738	842.985.450	2.553.248.535
Chi phí tài chính	22	VI.2	(1.457.998.275)	5.395.399.876	5.207.416.012	10.006.624.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(1.479.452)	-	(1.479.452)	-
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	2.396.496.937	(4.450.800.775)	6.541.407.652	213.537.970
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(776.877.876)	(141.485.204)	(10.882.761.291)	(7.719.284.148)
Thu nhập khác	31		-	1	540	101
Chi phí khác	32		85.000.000	92.000	177.837.136	117.159
Lợi nhuận khác	40		(85.000.000)	(91.999)	(177.836.596)	(117.058)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(861.877.876)	(141.577.203)	(11.060.597.887)	(7.719.401.206)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(861.877.876)	(141.577.203)	(11.060.597.887)	(7.719.401.206)

Người lập biểu




Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025



Trần Thị Thanh Nhã

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(11.060.597.887)	(7.719.401.206)
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	9.999.996	7.333.330
Các khoản dự phòng	03	8.108.895.067	5.399.956.443
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(842.985.450)	(2.553.248.535)
Chi phí lãi vay	06	(1.479.452)	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(3.786.167.726)	(4.865.359.968)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.809.118.279	81.395.877
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(3.165.441.563)	(430.637.849)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	381.865.794	308.483.228
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(1.760.625.216)	(4.906.118.712)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tsản dài hạn khác	21	(3.080.000.000)	(50.000.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tsản dài hạn khác	22	6.600.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.300.000.000)	(5.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.100.000.000	16.033.695.897
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.278.200.000)	(44.204.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.600.200.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.661.456	61.576.341
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	3.770.661.456	(33.958.727.762)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.010.036.240	(38.864.846.474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	938.584.633	39.803.431.107
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.948.620.873	938.584.633

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty được đăng ký giao dịch (UPCoM) tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TGG.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

2 . Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 3 công ty con cụ thể như sau:

Danh sách các công ty con

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2024	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	TPHCM	79,8%	111.127.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
2	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	TPHCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics
3	Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	51%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa

Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết cụ thể như sau:

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2024	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư	TPHCM	35,35%	66.000.000.000	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng tư vấn đầu tư

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1 . Kỳ kế toán năm:** Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- 2 . Đơn vị tiền tệ:** Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

4 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

5 . Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

6 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

7 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

8 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10 . Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

12 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31-12-2024	01-01-2024
Tiền mặt	141.399.905	143.019.905
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	607.220.968	795.564.728
Các khoản tương đương tiền	2.200.000.000	-
	2.948.620.873	938.584.633

2 . Các khoản đầu tư tài chính

	31-12-2024			01-01-2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	162.700.000.000	88.743.718.324	73.956.281.676	197.100.000.000	96.502.613.788	100.597.386.212
<i>Công ty cổ phần Golden Paddy (1)</i>	-	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (2)</i>	88.700.000.000	20.860.489.567	67.839.510.433	88.700.000.000	26.651.121.424	62.048.878.576
<i>Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (3)</i>	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<i>Công Ty TNHH MTV Thu Mua Phụ Phẩm PBP (4)</i>	-	-	-	1.850.000.000	-	1.850.000.000
<i>Công ty Cổ Phần HB Pharma (6)</i>	-	-	-	2.550.000.000	112.849.450	2.437.150.550
<i>Công ty TNHH Angimex Furious (5)</i>	72.000.000.000	67.883.228.757	4.116.771.243	72.000.000.000	69.738.642.914	2.261.357.086
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	23.332.000.000	23.332.000.000	-	20.654.000.000	20.654.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư (6)</i>	23.332.000.000	23.332.000.000	-	20.654.000.000	20.654.000.000	-

(1) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Golden Paddy với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46,2% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 51% quyền biểu quyết. Trong tháng 08/2024, Công ty đã thoái vốn Công ty cổ phần Golden Paddy.

(2) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 88.700.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,6% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 85,6% quyền biểu quyết. Trong năm 2022, do công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC tăng vốn thực góp, dẫn đến thay đổi tỷ lệ thành 79,8% vốn thực góp và 79,8% quyền biểu quyết.

(3) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global với tổng số tiền góp vốn là 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 100% quyền biểu quyết.

(4) Ngày 07/01/2022, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP được thành lập với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong quý 2.2022, Công ty cổ phần The Golden Group đã góp vốn là 1.850.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ thực góp. Trong tháng 08/2024, Công ty đã thoái vốn Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP.

(5) Trong năm 2021, Công ty đã mua lại vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious với tổng số tiền mua theo vốn điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Ngày 23/12/2022, Công ty CP XNK An Giang mua lại vốn góp với số tiền mua theo vốn điều lệ là 19.000.000.000 đồng. Do đó, tại ngày 31/12/2022, số dư vốn góp mà Công ty CP The Golden Group đang nắm giữ chỉ chiếm tỷ lệ 30% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong tháng 12/2023, Công ty đã mua thêm 21 tỷ vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious, chiếm tỷ lệ từ 30% lên 51% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong năm 2024, Công ty TNHH Angimex Furious hoàn tiền góp vốn theo nghị quyết số :26/NQ-HDTV ngày 26.01.2024, và Công ty chi tiền góp vốn tại Công ty TNHH Angimex Furious theo nghị quyết số :27/NQ-HDTV ngày 01.02.2024.

(6) Ngày 26/04/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần HB Pharma với số tiền là 2.550.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ. Ngày 23/05/2024, Công ty bổ sung góp vốn với số tiền là 5.000.000.000 đồng, chiếm 75,5% vốn điều lệ. Tháng 12/2024, Công ty đã thoái vốn Công ty cổ phần HB Pharma.

(7) Từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư với tổng số tiền là 20.654.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 31,29% vốn điều lệ. Ngày 16/08/2024, Công ty mua 0,76% cổ phần với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 32,05%. Ngày 07/11/2024, Công ty mua 3,3% cổ phần với số tiền là 2.178.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,35%.

3 . Trả trước cho người bán

Trả trước ngắn hạn cho người bán: hoạt động SXKD

Chi tiết:

CN công ty ACC Xí nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC

Công ty TNHH kiến trúc và chuyên giao công nghệ Hà Nội

Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY

Khác

31-12-2024

01-01-2024

1.638.333.001

1.132.953.001

1.638.333.001

1.132.953.001

430.000.000

430.000.000

550.000.001

550.000.001

351.000.000

-

307.333.000

152.953.000

1.638.333.001

1.132.953.001

4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho vay nội bộ ngắn hạn

+ Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC

+ Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư

+ Công Ty Cổ Phần HB Pharma

31-12-2024

01-01-2024

2.953.865.921

7.953.865.921

600.000.000

600.000.000

-

5.000.000.000

3.553.865.921

13.553.865.921

5 . Phải thu khác

a) Ngắn hạn

Tạm ứng cho nhân viên

Phải thu lãi cho vay các bên liên quan

Phải thu Từ Thị Hồng Thanh (*)

31-12-2024

01-01-2024

7.747.250

8.000.000

4.643.212.111

3.928.888.117

45.000.000.000

45.000.000.000

49.650.959.361

48.936.888.117

b) Dài hạn

Ký quỹ dự án Tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ

-

6.600.000.000

	-	6.600.000.000
(*) Chi tiết		
(*) Là khoản tiền Công ty đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Từ Thị Hồng Thanh là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa chuyển nhượng cho Công ty là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.		

6 . Nợ xấu	31-12-2024			1/1/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu nhà cung cấp						
Bà Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	430.000.000	-	430.000.000	430.000.000	-	430.000.000
Công ty TNHH Kiến trúc và chuyên giao công nghệ Hà Nội	550.000.001	-	550.000.001	550.000.001	-	550.000.001
Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ	66.653.000	-	66.653.000	66.653.000	-	66.653.000
Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp	50.000.000	-	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI	32.400.000	-	32.400.000	32.400.000	-	32.400.000
CÔNG TY TNHH XNK LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM THIÊN VŨ	54.000.000	-	54.000.000	54.000.000	-	54.000.000
Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU	33.000.000	-	33.000.000	33.000.000	-	33.000.000
Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	6.971.099.925	2.091.329.978	4.879.769.948	11.625.066.368	9.637.546.458	1.987.519.910
Khác	19.373.913	5.812.174	13.561.739	19.373.913	13.561.739	5.812.174
Tổng cộng	53.206.526.839	5.812.174	51.109.384.688	57.860.493.282	9.651.108.197	48.209.385.085

7 . Chi phí trả trước

	31-12-2024	01-01-2024
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ văn phòng	2.291.674	37.837.120
Cộng	2.291.674	37.837.120
b) Dài hạn		
Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia (*)	11.601.731.589	11.948.051.937
Cộng	11.601.731.589	11.948.051.937
Tổng	11.604.023.263	11.948.051.937

(*) Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m², thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

8 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

	31-12-2024	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2024
a) Phải nộp				
Thuế môn bài	-	6.500.000	6.500.000	-
Thuế thu nhập cá nhân từ lương	32.383.104	140.368.088	132.804.004	24.819.020
Các loại thuế khác	-	256.136	256.136	-
	32.383.104	147.124.224	139.560.140	24.819.020
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nội địa	477.274.068	(3.382.064)	-	480.656.132
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.879.984.394	-	-	2.879.984.394
	3.357.258.462	(3.382.064)	-	3.360.640.526

9 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31-12-2024	01-01-2024
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	38.338.566	38.338.566
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	2.100.000.000	2.100.000.000
Cộng	2.138.338.566	2.138.338.566
(*) Chi tiết:		
Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình hỗ trợ dự án trang trại chăn nuôi lợn	2.100.000.000	2.100.000.000
	2.100.000.000	2.100.000.000

	31-12-2024	01-01-2024
b) Dài hạn		
-Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên(*)	-	3.080.000.000
- Nhận tiền cọc cho thuê văn phòng tòa nhà SME	34.800.000	4.800.000
Cộng	34.800.000	3.084.800.000

(*) Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án.

10 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư và Phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	2.889.093.455	(119.272.016.881)	156.616.976.574
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	(7.719.401.206)	(7.719.401.206)
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	2.889.093.455	(126.991.418.087)	148.897.575.368
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	(11.060.597.887)	(11.060.597.887)
Số dư cuối kỳ	272.999.900.000	2.889.093.455	(138.052.015.974)	137.836.977.481

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31-12-2024		01-01-2024	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Ngô Quang Tuấn	29.000.000.000	10,62%	29.000.000.000	10,6%
Các cổ đông khác	243.999.900.000	89,38%	243.999.900.000	89,4%
	272.999.900.000	100%	272.999.900.000	100%

Cổ phiếu	31-12-2024	01-01-2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ ban hành ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
- Lãi tiền gửi NH	43.987.254	44.469.074
- Lãi cho vay	798.998.196	2.508.779.461
Cộng	842.985.450	2.553.248.535

2 . Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
- Trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	5.207.416.012	10.006.624.359
Cộng	5.207.416.012	10.006.624.359

3 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	1.654.953.804	2.408.474.260
- Chi phí đồ dùng văn phòng	42.395.946	89.469.562
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.999.996	7.333.330
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	6.500.000
- Chi phí dự phòng	2.899.999.603	(4.606.667.916)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.301.708	2.125.615.340
- Chi phí bằng tiền khác	89.756.595	182.813.394
Cộng	6.541.407.652	213.537.970

4 . Nghiệp Vụ Với Các Bên Liên Quan

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Công Ty Cổ Phần HB Pharma ("HB Pharma")	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC ("Louis AMC")	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư ("CIC")	Công ty liên kết
Công Ty TNHH Angimex Furious ("Angimex Furious")	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Golden Paddy ("Golden Paddy")	Công ty con
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thu Mua Phụ Phẩm ("PBP")	Công ty con

31/12/2024

4.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
HB Pharma	Công ty con	Lãi cho vay	299.178.081	379.726.025
		Cho vay phải thu từ HB Pharma	-	5.000.000.000
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	5.000.000.000	-
		Chi hộ	8.720.783	-
Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	443.370.804	2.122.872.614
		Cho vay phải thu từ Louis AMC	-	200.000.000
		Thu gốc cho vay từ Louis AMC	5.000.000.000	16.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	33.695.897
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	49.052.051	6.180.822
		Cho vay phải thu từ CIC	600.000.000	600.000.000
		Thu gốc cho vay từ CIC	600.000.000	-
		Phí thuê văn phòng CIC	29.072.727	29.072.727
		Cung cấp dịch vụ tư vấn	-	50.000.000
Angimex Furious	Công ty con	Góp vốn	4.600.200.000	
		Hoàn tiền góp vốn	4.600.200.000	

4.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V5.a)				
HB Pharma	Công ty con	Lãi cho vay	550.684.929	251.506.848
Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	4.084.242.251	3.671.200.447
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	8.284.931	6.180.822
Cộng			4.643.212.111	3.928.888.117
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số V.4)				
Phải thu khách hàng				
HB Pharma	Công ty con	Phải thu khách hàng	2.501.280	-
Cộng			2.501.280	-

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Nhã